**BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THUẾ VÀ NHÓM CÔNG TÁC HẢI QUAN**

**NHỮNG BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH THUẾ, ẢNH HƯỞNG TỚI MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ**

*Chuẩn bị bởi*

*Nhóm Công Tác Thuế và Nhóm Công tác Hải Quan*

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ thực sự quan tâm đến việc đổi mới môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách hành chính, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Điều này được thể hiện mạnh mẽ thông qua việc ban hành hàng loạt các nghị quyết, chỉ thị như Nghị Quyết 35/NQ-CP, Nghị Quyết 19/2017/NQ-CP hay chỉ thị số 20/CT-TTg với mục đích chấn chỉnh hoạt động thanh kiểm tra, tháo gỡ khó khăn và đồng hành cùng với doanh nghiệp. Tuy nhiên theo quan sát của chúng tôi, quá trình thực thi chính sách về đầu tư và thuế rất nhiều vấn đề đáng phải bàn luận, chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp.

1. **Bảo hộ đầu tư**

Đối với nhà đầu tư, các loại Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp có ý nghĩa như một bản cam kết giữa Chính phủ Việt Nam với nhà đầu tư. Đây là tài liệu quan trọng đảm bảo cho hoạt động đầu tư của họ vào Việt Nam. Pháp luật đầu tư luôn khẳng định nguyên tắc bảo hộ đầu tư, theo đó trường hợp quy định mới có ưu đãi đầu tư thấp hơn so với mức ưu đãi đã được quy định tại giấy phép, nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định như đã nêu tại giấy phép. Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp doanh nghiệp đã được cấp giấy phép với mức ưu đãi cụ thể và đã thực hiện theo đúng nội dung ưu đãi này. Nhưng khi cơ quan thuế vào kiểm tra, cơ quan thuế lại từ chối áp dụng, phủ nhận những ưu đãi mà doanh nghiệp đã được cấp. Trong một số trường hợp, cơ quan thuế cho rằng cơ quan cấp phép đã làm sai khi cấp những ưu đãi đó cho nhà đầu tư, yêu cầu doanh nghiệp nộp số thuế bổ sung, lãi chậm nộp và thậm chí còn yêu cầu doanh nghiệp nộp phạt do kê khai sai thuế. Từ phương diện nhà đầu tư, họ cho rằng Chính phủ đã không thực hiện đúng như cam kết, không tôn trọng nguyên tắc bảo hộ đầu tư, và cho rằng cơ quan thuế đang bắt doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm, chịu thiệt hại đối với lỗi sai do chính cơ quan chính phủ gây ra. Những tình huống như vậy thường gây bức xúc lớn và mất lòng tin của các nhà đầu tư, họ sẽ lên tiếng tại các diễn đàn và cộng đồng các nhà đầu tư, theo đó, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đầu tư và khả năng thu hút các nhà đầu tư mới.

1. **Tuân thủ đạo lý thuế khi hành thu**

Quy định của pháp luật thuế thay đổi liên tục nhằm bắt kịp sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, chính sách thuế không thể rõ ràng trong mọi tình huống và có thể có những cách hiểu khác nhau. Do đó, việc áp dụng chính sách thuế cần dựa trên tính hợp lý và đạo lý thuế nói chung. Thực tế, có những trường hợp cơ quan thuế địa phương cũng không hiểu hết được mục đích của nhà làm luật nên đã đưa ra những ý kiến kết luận không phù hợp theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp, thậm chí đi ngược lại với bản chất kinh tế của giao dịch. Không những thế, có những vấn đề được quy định rất rõ ràng trong các văn bản pháp quy nhưng cán bộ thuế vẫn đi theo hướng xử lý hoàn toàn khác nhằm mục đích tăng số thu. Chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ dưới đây, vì áp lực số thu dường như cơ quan thuế chỉ căn cứ vào hình thức để áp đặt và diễn giải theo cách có lợi cho người thu thuế hơn là nhìn vào bản chất của giao dịch. Trong một số trường hợp, cơ quan thuế và cơ quan hải quan thậm chí căn cứ vào biểu mẫu, hình thức của tài liệu để kết luận và áp đặt bản chất của giao dịch hoàn toàn khác với tình huống thực tế.

***Ví dụ 1:***

Một doanh nghiệp Nhật Bản có dự án đầu tư rất lớn vào một khu công nghiệp phía Nam, tại thời điểm đó, với quy mô dự án đầu tư của họ, khu công nghiệp này được coi là bến đỗ của ngành công nghiệp mới. Với một dự án có quy mô lớn đòi hỏi thời gian xây dựng, lắp đặt kéo dài từ 4-5 năm, nhà đầu tư đã bị đọng một khoản vốn lớn nằm ở số thuế giá trị gia tăng đầu vào trong khoảng thời gian này. Nay xin hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư. Do quá trình kê khai số thuế đầu vào doanh nghiệp đã thực hiện kê khai theo Mẫu 01 thay vì kê khai vào Mẫu 02 theo quy định. Về vấn đề này Cục thuế địa phương đã hướng dẫn và Doanh nghiệp đã điều chỉnh kê khai lại theo đúng hướng dẫn của Cục thuế. Sau đó doanh nghiệp thực hiện thủ tục xin hoàn thuế và đã được Cục thuế địa phương chấp nhận tại biên bản làm việc. Tuy nhiên, khi hồ sơ xin hoàn được báo cáo lên Tổng Cục thuế thì lại bị từ chối với lý do khai sai mẫu kê khai thuế. Doanh nghiệp đã có văn bàn giải trình với Tổng Cục thuế và Bộ tài chính để khẳng định hồ sơ hoàn thuế của Doanh nghiệp là đúng theo quy định của pháp luật. Theo yêu cầu của Tổng cục thuế, Công ty cũng đã phải làm việc với Bộ Công thương để xin xác nhận sản phẩm của Dự án là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác. Mặc dù đây không phải là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ hoàn thuế, nhưng để làm rõ và khẳng định rằng doanh nghiệp hoàn toàn đủ điều kiện và là đối tượng được hoàn thuế, doanh nghiệp đã phải làm việc với Bộ Công thương để xin được xác nhận nói trên cung cấp cho Tổng Cục thuế. Nhưng đến nay đã hơn 6 tháng trôi qua kể từ khi doanh nghiệp giải trình với Tổng Cục thuế, doanh nghiệp vẫn chưa nhận được phản hồi chính thức nào.

Trong trường hợp này, Cơ quan thuế đã cố ý vin vào những lỗi sai hành chính để bóp méo bản chất của vụ việc và không phù hợp với đạo lý thuế.

***Ví dụ 2:***

Theo quy định, đối với thuế xuất nhập khẩu, kết luận kiểm tra sau thông quan của cơ quan hải quan về các vấn đề được kiểm tra phải được coi là kết luận cuối cùng và mang tính bắt buộc với doanh nghiệp. Do thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là loại thuế gián thu nên sau khi có kết luận kiểm tra sau thông quan chính thức của cơ quan hải quan cho một giai đoạn nhất định, doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp xử lý theo ý kiến tại kết luận này, sửa đổi sai phạm (nếu có). Doanh nghiệp tin tưởng đã tuân thủ theo pháp luật hải quan và yên tâm tiếp tục kinh doanh.

Tuy nhiên vẫn có trường hợp tại các lần kiểm tra sau thông quan khác (chẳng hạn 3 năm hoặc 5 năm sau, hoặc do một đơn vị hải quan khác thực hiện) cơ quan hải quan lại có ý kiến phủ định kết luận trước đó về cùng một vấn đề đã từng được xử lý, dẫn đến số thuế phải nộp tăng; Doanh nghiệp bị yêu cầu truy thu thuế hồi tố trong khi phương án kinh doanh, hạch toán lãi – lỗ đã được hoàn thành.

Có thể nói ý kiến của cơ quan hải quan trong các kết luận, văn bản đưa ra còn mang tính chủ quan, chưa có sự xem xét kĩ lưỡng và không thống nhất. Vậy khi đó, đâu là hành lang pháp lý về việc áp dụng hồi tố cho kết luận kiểm tra ban hành sau và có công bằng không khi doanh nghiệp là người phải gánh chịu hậu quả từ sai sót của cơ quan hải quan?

Với những trường hợp như trên, khi khiếu nại, cơ quan giải quyết khiếu nại lần đầu chính là đơn vị ban hành kết luận, quyết định ấn định thuế nên thường không được giải quyết. Việc giải quyết khiếu nại lần hai cũng không chắc chắn được đảm bảo tính độc lập và xử lý thỏa đáng, gây thiệt hại lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Hơn nữa, doanh nghiệp cũng sẽ không biết thực hiện như thế nào khi nhận được các hướng dẫn khác nhau từ cơ quan hải quan, bởi không có gì đảm bảo họ sẽ không bị xử phạt trong tương lai dù đã tuân thủ đúng theo kết luận, hướng dẫn này.

***Ví dụ 3:***

Về việc kiểm tra trị giá trong lĩnh vực hải quan, có trường hợp cơ quan hải quan lại ấn định giá cao hơn cho người nhập khẩu viện vào các lỗi hành chính như không điền, không đánh dấu vào các tiêu chí tương ứng trên tờ khai hải quan, mà không có căn cứ giải thích xác đáng. Sau các lần khiếu nại theo đúng trình tự quy định, quyết định ấn định thuế không công bằng như trên đã được hủy bỏ, đòi hỏi đơn vị hải quan ra quyết định ấn định thuế phải xem xét lại kết luận kiểm tra và xác định lại trị giá hải quan cũng như số thuế phải nộp (nếu có) cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cơ quan hải quan lại trì hoãn rất nhiều tháng mà không có bất kỳ hoạt động nào sửa sai và giải quyết cho doanh nghiệp. Hệ quả là doanh nghiệp tồn đọng một số tiền thuế lớn đã nộp thừa cho hải quan. Theo quy định của pháp luật, với các trường hợp thiếu số thuế phải nộp, thì doanh nghiệp sẽ phải nộp ngay và chịu tiền chậm nộp nếu quá hạn. Ở địa vị doanh nghiệp, nếu không nộp ngay số thuế theo quyết định ấn định sẽ bị cưỡng chế và không tiến hành hoạt động kinh doanh được nữa. Tuy nhiên, với cơ quan hải quan thì việc hoàn thuế bị ấn định sai cho doanh nghiệp lại có thể bị trì hoãn, không thực hiện kịp thời.

***Ví dụ 4***:

Liên quan đến thuế TNCN, rất nhiều doanh nghiệp Nhật Bản gặp phải vướng mắc về công thức quy đổi thu nhập sau thuế thành thu nhập trước thuế. Trước đó, các doanh nghiệp áp dụng theo công thức tính do Cục thuế TP. Hồ Chí Minh hướng dẫn. Nhưng sau đó, khi bị thanh tra kiểm tra, Tổng Cục thuế hướng dẫn cách tính khác hoàn toàn và áp dụng truy thu hồi tố cho giai đoạn từ năm 2009 đến 2012. Việc áp dụng hồi tố khiến doanh nghiệp không chỉ phải nộp thêm nghĩa vụ thuế mà còn bị phạt chậm nộp và phạt kê khai sai. Điều này dẫn tới việc doanh nghiệp mất lòng tin vào một môi trường đầu tư mà chính sách thuế không thống nhất và cách hành thu thiếu căn cứ pháp lý và không có đạo lý thuế.

***Ví dụ 5***:

*Thủ tục hoàn thuế:*

Ý kiến ghi nhận được từ hoạt động khảo sát cho thấy, hầu hết các doanh nghiệp đều nói rằng cán bộ thuế không gây khó khăn, phiền hà gì khi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Tuy nhiên, còn một số vấn đề trong thực tiễn triển khai tại một số địa phương khảo sát như:

* Thời gian hoàn thuế: Doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian hơn so với quy định để được hoàn thuế mặc dù thời hạn quy định cho trường hợp hoàn trước kiểm sau là 6 ngày làm việc và kiểm trước hoàn sau là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thuế.
* Hồ sơ hoàn thuế: Hồ sơ hoàn thuế GTGT vẫn được thực hiện thủ công, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ hoàn thuế lên cơ quan thuế.
* Các doanh nghiệp đã bày tỏ mối quan ngại về quy định không được hoàn thuế đối với số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết, phải kết chuyển sang các kỳ sau. Quy định hạn chế này sẽ gây ảnh hưởng đến dòng tiền mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, thủ tục hoàn thuế còn chưa thực sự công bằng. Cụ thể nếutheo quy định doanh nghiệp phải nộp phạt và lãichậm nộp khi nộp thuế muộn, tuy nhiên nếu cơ quan thuế chậm hoàn trả tiền hoàn thuế thì doanh nghiệp không được trả lãi đối với khoản thuế bị chậm hoàn đó..
* Công tác quản lý thuế: Các doanh nghiệp phản ánh, tại một số địa phương cán bộ thuế yêu cầu làm bản cam kết không mua hàng của các doanh nghiệp mới thành lập. Một số cán bộ thuế vẫn còn yêu cầu doanh nghiệp nộp các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra mặc dù Luật thuế đã bỏ quy định này.

*Tác động ảnh hưởng:*

* Các yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cho các thủ tục hoàn thuế trở nên rắc rối và tốn kém chi phí của doanh nghiệp.
* Việc chậm trễ trong giải quyết một số khoản hoàn thuế có thể gây ra vấn đề về dòng tiền mặt cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cho rằng, lãi phạt nộp chậm của doanh nghiệp khá cao nhưng trong trường hợp cơ quan thuế chậm trả tiền hoàn thuế thì doanh nghiệp không được trả lãi chậm trả.
* Việc quy định cam kết không mua hàng của doanh nghiệp mới thành lập gây khó cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp mua hàng không thể biết liệu nhà cung cấp có phải mới thành lập hay không. Hơn nữa, yêu cầu này có thể gây tình trạng phân biệt đối xử đối với doanh nghiệp mới thành lập, làm cho họ khó bán hàng.

*Đề xuất:*

* Tổng cục Thuế cần rà soát và tăng cường các tiêu chí đánh giá rủi ro nhằm xác định những NNT rủi ro cao, áp dụng quy trình theo thứ tự ưu tiên, cho phép giải quyết nhanh những khoản hoàn thuế đối với nhiều doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp mở rộng. Quan trọng hơn, việc hoàn thuế cho các doanh nghiệp rủi ro thấp cần được tự động hóa.
* Về trung hạn Tổng cục Thuế nên khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử hơn là hóa đơn giấy. Điều này sẽ hỗ trợ tốt hơn cho việc xác minh và lựa chọn mức độ ưu tiên dựa trên rủi ro. Xây dựng chương trình thanh tra/kiểm tra dựa trên rủi ro nhiều hơn sau khi hoàn thuế.
* Về trung hạn và dài hạn, Tổng cục Thuế cần xây dựng hệ thống kho dữ liệu tích hợp để hỗ trợ hoạt động đánh giá rủi ro và tuân thủ- Đảm bảo cán bộ thuế địa phương không yêu cầu doanh nghiệp nộp các hồ sơ giấy tờ, hoặc các yêu cầu khác ngoài quy định.

***Ví dụ 6:***

*Bù trừ tiền thuế đã nộp giữa các sắc thuế khác nhau*

Hiện nay cơ quan thuế không cho phép Người nộp thuế bù trừ các khoản thuế nộp thừa với các khoản thuế nộp thiếu thuộc các loại thuế khác nhau như trước đây. Thậm chí đối với cả các tiểu mục của cùng một sắc thuế của cũng không được phép bù trừ. Có doanh nghiệp đã phản ánh có kê sai tiểu mục thuế TNCN của nhân viên từ thu nhập từ đầu tư vốn (tiểu mục 1004) sang thu nhập từ tiền công tiền lương (tiểu mục 1001), số tiền thuế đã nộp đủ và đúng hạn. Tuy nhiên khi cơ quan thuế phát hiện ra vẫn yêu cầu nộp phạt và lãi chậm nộp, mặc dù đây chỉ là nhầm lẫn và không có ảnh hưởng gì tới Ngân sách Nhà nước.

Việc không cho phép người nộp thuế bù trừ các khoản thuế nộp thừa thiếu của các sắc thuế khác nhau của cùng người nộp thuế gây khó khăn không đáng có cho người nộp thuế.

*Đề xuất:*

Cơ quan thuế chỉ nên xử phạt khi người nộp thuế sau khi bù trừ các sắc thuế, các tiểu mục thuế vẫn còn nộp thiếu. Khi các sai sót về hạch toán và tổng thuế đã nộp lớn hơn hoặc bằng nghĩa vụ thuế phải nộp thì chỉ nên nhắc nhở và điều chỉnh số, không phạt hành chính và không tính lãi nộp chậm.

***Ví dụ 7:***

*Thủ tục quảng cáo, khuyến mại*

Theo Luật Thương mại, các doanh nghiệp tổ chức quảng cáo hoặc các chương trình khuyến mại cần phải đăng ký với Sở Công thương. Hóa đơn VAT phải ghi thuế suất bằng không. Ngoài ra, thời hạn chạy chương trình khuyến mại, giảm giá không được vượt quá 90 ngày một năm và 45 ngày một chương trình.

Nhiều doanh nghiệp phản ánh thường gặp khó khăn khi đăng ký các chương trình quảng cáo hoặc khuyến mại với Sở Công thương, ví dụ như đối với các doanh nghiệp sản xuất bán lẻ thường xuyên thực hiện các chương trình trưng bày cho khách hàng thử hàng mẫu, hàng dùng thử tại chỗ,...doanh nghiệp không thể thực hiện theo các quy định đăng ký với Sở Công thương vì các mặt hàng này thường xuyên sử dụng khi bán hàng, do đó khi cơ quan thuế kiểm tra thì các chi phí này bị loại trừ vì không đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu và bị phạt. Hoặc có trường hợp doanh nghiệp đã gửi thư đăng ký cho Sở công thương nhưng không nhận được phản hồi về việc có chấp thuận hay không, do chiến lược kinh doanh nên doanh nghiệp vẫn thực hiện các chương trình khuyến mại nên cũng bị loại trừ chi phí khi cơ quan thuế vào kiểm tra.

*Tác động ảnh hưởng:*

Doanh nghiệp không được khấu trừ vào chi phí đối với các khoản chi thực tế chi ra phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh do thiếu những bằng chứng chứng minh về việc đăng ký các chương trình khuyến mại với các cơ quan chức năng.

*Đề xuất:*

Phối hợp và chia sẻ thông tin tốt hơn giữa Tổng cục Thuế và Sở Công thương để đảm bảo doanh nghiệp không bị bất lợi.

Tổng cục Thuế nghiên cứu phương án để chấp thuận bản giấy đăng ký đã gửi cho Sở Công thương được coi là hợp lệ và cho phép doanh nghiệp có thể được khấu trừ vào chi phí đối với những trường hợp như vậy. Các doanh nghiệp cần được khuyến khích giữ giấy biên nhận này.

**3. Hoá đơn thuế GTGT**

*3.1. Thủ tục đăng ký sử dụng hoá đơn*

Doanh nghiệp đã được quyền sử dụng hoá đơn tự in hoặc đặt in. Mẫu hóa đơn thuế cần phải bao gồm những mục theo quy định và được đăng ký hoặc thông báo với cơ quan thuế địa phương và trong thời hạn 5 ngày cơ quan thuế phải có thông báo về việc sử dụng hoá đơn gửi cho doanh nghiệp. Đối với hàng hóa xuất khẩu, có thể dùng hóa đơn thương mại thay vì hóa đơn thuế trong nước.

Thủ tục quản lý hóa đơn tự in còn thủ công và mất nhiều thời gian đối với doanh nghiệp. Theo phản ánh doanh nghiệp, thời gian từ lúc doanh nghiệp nhận được MST đến khi được phép sử dụng hoá đơn có thể kéo dài đến 30 ngày theo một trình tự thủ tục khá phức tạp và kéo dài ở nhiều khâu theo quy trình quản lý của cơ quan thuế.

*Tác động ảnh hưởng:*

Doanh nghiệp mất quá nhiều thời gian để có thể sử dụng hoá đơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh

*Đề xuất:*

Tổng cục Thuế cần nghiên cứu quy trình cấp hoá đơn cho doanh nghiệp để bỏ những bước không cần thiết theo hệ thống hiện tại để có được hóa đơn, đề xuất có thể bỏ bước chấp thuận của cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn để rút ngắn thời gian cấp hoá đơn cho doanh nghiệp.

*3.2. Lập hoá đơn đối với các giao dịch có giá trị từ 200.000 đồng*

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC, đối với các giao dịch mua bán có giá trị trên 200.000 đồng trở lên mỗi lần mà người mua không lấy hoá đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, MST thì người bán hàng cần xuất hóa đơn trong ngày cho mỗi giao dịch. Các doanh nghiệp cho rằng yêu cầu xuất hóa đơn trong ngày đối với các giao dịch trên 200.000 đồng rất phức tạp, mất thời gian và mất nhiều chi phí thuê nhân công chỉ để viết các hoá đơn loại này của doanh nghiệp, nhất là với các doanh nghiệp có nhiều cửa hàng bán lẻ.

*Tác động ảnh hưởng:*

Qua khảo sát, theo phản ánh của doanh nghiệp, thực tế có những doanh nghiệp phát sinh lên tới 4-5 ngàn đơn hàng (mua bán qua các trang điện tử bán hàng) có giá trị trên 200.000 đồng nhưng khách hàng không lấy hoá đơn thì số lượng hoá đơn phát hành quá lớn, nếu đáp ứng được yêu cầu của cơ quan thuế thì phải sử dụng nhiều cán bộ kế toán để chuyên chỉ viết hoá đơn, làm tăng chi phí về nhân công và gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc lưu giữ, kiểm soát.

*Đề xuất:*

Khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử hoặc cho phép sử dụng giấy biên nhận tiền mặt hoặc cho phép lập hóa đơn tổng vào cuối ngày đối với các giao dịch > 200.000 VND mà khách hàng không yêu cầu hóa đơn.

*3.3. Hoá đơn bán lẻ dưới 200.000 đồng*

Hiện nay chính sách chỉ quy định đối với người bán hàng thì được phép xuất hoá đơn cuối ngày cho tổng phát sinh trong ngày của các hoá đơn có giá trị dưới 200.000 đồng. Tuy nhiên, đối với người mua hàng, trong ngày có nhiều hoá đơn nhỏ lẻ thì không được phép ghi nhận chi phí hợp lý nếu không có hoá đơn (có đoàn thì chấp nhận được ghi nhận chi phí hợp lý, có đoàn loại bỏ). Như vậy, vẫn chưa có sự thống nhất trong vấn đề này.

*Tác động ảnh hưởng:*

Theo phản ánh của doanh nghiệp, giá trị của hoá đơn mỗi lần mua dưới 200.000 đồng, nhưng phát sinh rất nhiều giao dịch mua hàng hoá như vậy trong năm, tính tổng cộng các chi phí này cũng tương đối lớn. Việc không cho phép doanh nghiệp được ghi nhận khoản chi phí này gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhỏ cần được sự hỗ trợ về mặt tài chính để phát triển kinh doanh.

*Đề xuất:*

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế nghiên cứu cơ chế cho phép doanh nghiệp được ghi nhận các khoản chi phí này được xem là chi phí hợp lý, hợp lệ, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp lưu giữ các bằng chứng để chứng minh đó là giao dịch mua hàng thực sự.

*3.4. Hoá đơn của các doanh nghiệp ngừng/nghỉ kinh doanh, giải thể*

Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp mà tại thời điểm giao dịch vẫn đang hoạt động bình thường, sau đó doanh nghiệp bán hàng này vì một lý do nào đó ngừng/tạm ngừng hoạt động, giải thể,...thì tất cả các hoá đơn của doanh nghiệp này bị coi là không hợp lệ và các doanh nghiệp mua hàng sẽ bị loại trừ tất cả các hoá đơn đã kê khai mà không quan tâm đến bản chất thật sự của giao dịch là hàng hoá, dịch vụ đó có thực sự được giao dịch hay không, doanh nghiệp bán hàng là đối tượng bỏ trốn mất tích hay giải thể đóng cửa theo đúng thủ tục...

*Tác động ảnh hưởng:*

Doanh nghiệp phải chịu khoản tiền chậm nộp đối với các khoản thuế chưa nộp, việc này gây bức xúc rất lớn đối với các doanh nghiệp làm ăn chân chính.

Doanh nghiệp không thể đảm bảo tính hợp pháp của các hóa đơn GTGT trừ khi các hóa đơn đó là của các doanh nghiệp nằm trong danh mục các doanh nghiệp ‘ma’ mà cơ quan thuế cung cấp.

*Đề xuất:*

Khuyến nghị cần dựa vào một số dấu hiệu sai phạm của doanh nghiệp, xem xét thông tin cụ thể của giao dịch,như hồ sơ mua bán của doanh nghiệp đó và thông tin từ bên thứ 3 để xác định được đúng bản chất của giao dịch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp.

Cần nghiên cứu các giải pháp theo hướng chuyển rủi ro sang cơ quan thuế trong trường hợp không có bằng chứng về sai phạm của doanh nghiệp bán hàng, và cho phép các khoản chi phí là chi phí hợp lý của doanh nghiệp.

Cải thiện quy trình để xác định những doanh nghiệp phi pháp làm giả hóa đơn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp dễ dàng phát hiện các doanh nghiệp ma, ví dụ: thông qua ứng dụng điện thoại di động để phát hiện hóa đơn giả.

Nếu không có sự thay đổi nào đối với chính sách hiện nay là không cho phép khấu trừ thì cần xây dựng hướng dẫn bỏ phạt nộp chậm đối với những tình huống trong đó doanh nghiệp làm ăn trung thực.

1. **Chế tài đối với cán bộ thuế**

Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước có quy định về việc Nhà nước có trách nhiệm bồi thường cho doanh nghiệp bị thiệt hại do hành vi thực thi chính sách thuế và hải quan trái pháp luật của cơ quan nhà nước gây ra. Đồng thời Bộ tài chính cũng đã ban hành các quy định về việc xử lý kỷ luật cán bộ thuế, cán bộ hải hải quan có hành vi vi phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, khi cơ quan thuế làm sai, cán bộ thuế thiếu trách nhiệm khi thực thi gây ra tổn thất cho doanh nghiệp nhưng lại không bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp. Trong khi doanh nghiệp làm sai, không tuân thủ thì ngay lập tức phải chịu các chế tài, hình phạt rất nặng nề, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh.

Hơn nữa, chúng tôi cũng nhận thấy pháp luật về thuế hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể và hướng xử lý đối với hành vi ban hành các văn bản, quyết định, công văn có nội dung sai luật, sai thẩm quyền, những văn bản ban hành có nội dung trái ngược nhau cho cùng một vấn đề tương tự. Chính vì không có chế tài xử lý với những trường hợp này nên tình trạng thiếu cẩn trọng của cán bộ thuế trong việc soạn thảo văn bản, quyết định truy thu thuế, công văn trả lời doanh nghiệp càng ngày càng gia tăng. Các ví dụ mà chúng tôi đã nêu và phân tích ở trên về việc cố ý diễn giải từ ngữ trong trong văn bản theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp, đưa ra lỗi sai về hành chính để áp đặt thuế một cách không hợp lý là những ví dụ nổi bật để các nhà làm luật nghiên cứu và đưa ra các chế tài phù hợp đối với cán bộ thuế.

1. **Thủ tục hành chính để giảm giờ tuân thủ thuế**

Nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện nay cơ quan thuế sử dụng hệ thống ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS) để quản lý nợ thuế của doanh nghiệp. Theo đó, hệ thống này sẽ tự động tính số tiền thuế thiếu, lãi chậm nộp căn cứ trên tờ khai thuế của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế có những khoản nợ được ghi nhận tự động trên hệ thống mà chính cơ quan thuế cũng không giải thích được cho doanh nghiệp. Việc này dẫn đến doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian để đối soát, giải trình với cơ quan thuế. Có những khoản nợ thuế mà doanh nghiệp phải đi lại hàng chục lần, kéo dài cả năm thì mới xử lý được trên hệ thống.

*Kiến nghị:*

Trong khâu thực thi, cơ quan Thuế cần phải tuyệt đối tuân thủ cam kết với nhà đầu tư, thực thi trên tinh thần tôn trọng luật pháp, tôn trọng người nộp thuế, hợp tác và tháo gỡ khó khăn . Cơ quan Thuế cần xem xét bản chất của giao dịch và thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để đánh giá hành vi vi phạm và xử phạt đúng với hành vi vi phạm. Không nên áp đặt và quy chụp những lỗi sai hành chính để phủ nhận toàn bộ bản chất của giao dịch.

Cần phải có chế tài rõ ràng đối với các cán bộ thuế khi cán bộ thuế thực thi sai, đưa ra quyết định xử lý, công văn trả lời trái luật để cán bộ có trách nhiệm hơn với chính quyết định mà mình đưa ra. Hơn nữa, cần phải có một đường dây nóng và thực sự nóng để tiếp nhận phản ánh cũng như giải đáp khúc mắc của Doanh nghiệp. Đặc biệt những người phụ trách giải đáp phải là những cán bộ thực sự có kiến thức, hiểu biết về pháp luật thuế hoặc có đủ thẩm quyền liên hệ với bộ phận chức năng để giải quyết thấu đáo những vấn đề thắc mắc của doanh nghiệp và tránh tiêu cực trong hoạt động thu thuế.

Trên đây là một số vấn đề nổi cộm trong quá trình thực thi trong lĩnh vực thuế mà chúng tôi nhận thấy trong thời gian vừa qua. Hy vọng trong thời gian tới với sự đồng hành và phối hợp của các cơ quan Chính phủ, các vướng mắc của các doanh nghiệp sẽ được giải quyết thấu đáo, tiết kiệm các nguồn lực, tạo niềm tin vững chắc cho các Nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình hoạt động tại Việt Nam.

**6. Thuế nhập khấu theo các Hiệp định Thương mại tự do: Đối xử về thuế quan khác nhau cho hàng hóa sản xuất ở Việt Nam**

Trong tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, và chấp nhận các ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước đối tác tham gia hiệp định. Tuy vậy, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam và thỏa mãn các quy tắc xuất xứ tương ứng với từng hiệp định, ngoại trừ hàng hóa được sản xuất tại các khu phi thuế quan, được nhập khẩu tại chỗ vào thị trường nội địa, không được hưởng các ưu đãi về thuế quan này.

Theo đà phát triển của thương mại toàn cầu, xuất nhập khẩu tại chỗ đang trở thành một mô hình phổ biến trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Là một đất nước chuyên cung cấp dịch vụ gia công và sản xuất hàng hóa theo hợp đồng, Việt Nam đang trở thành điểm đến cho rất nhiều thương hiệu quốc tế tìm kiếm việc cung cấp nguyên vật liệu và các dịch vụ gia công, sản xuất hàng hóa. Trong số các hoạt động thương mại, hoạt đông xuất nhập khẩu tại chỗ sẽ được thực hiện như sau: người bán là một doanh nghiệp nước ngoài ký hợp đồng gia công với nhà máy Việt Nam để sản xuất sản phẩm của họ, và sau đó sẽ bán lại sản phẩm này cho người mua là một doanh nghiệp ở Việt Nam. Điều này tạo nên hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, hàng hóa không thực sự được xuất khỏi Việt Nam, nhưng về mặt pháp lý, hàng hóa đó đã được xuất khẩu khỏi Việt Nam và sau đó được nhập khẩu lại vào Việt Nam dưới danh nghĩa của doanh nghiệp nước ngoài đặt gia công. Những hàng hóa này sẽ phải chịu thuế nhập khẩu khi được nhập khẩu vào Việt Nam.

Khi thực hiện một Hiệp định tự do thương mại, có thể có phát sinh những bất cập về đãi ngộ thuế quan khi hàng hóa của các doanh nghiệp trong nước xuất, nhập khẩu tại chỗ theo mô hình trên phải chịu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường hay thuế nhập khẩu ưu đãi trong khi hàng hóa nhâp khẩu từ khu phi thuế quan hoặc nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam có thể được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt. Một ví dụ cho thấy những rào cản của các quy định hiên hành đối với dòng chảy thương mại đó là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam được xuất sang Singapore với giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ("C/O") mẫu D và sau đó được Singapore cấp C/O giáp lưng, và nhập lại vào Việt Nam. Mặc dù ví dụ này không thực tế về mặt thương mại, nhưng trong trường hợp này, các hàng hóa này hiển nhiên sẽ được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo ATIGA nếu đạt đủ 4 điều kiện của các quy định về ưu đãi thuế quan.

Khi so sánh ví dụ trên và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại chỗ của doanh nghiệp trong nước, cả hai trường hợp đều có các điều kiện giống nhau và các bên liên quan như nhau, Điều khác biệt duy nhất là hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ thực hiện bởi doanh nghiệp trong nước không thực sự xuất khỏi Việt Nam. Tuy nhiên, điểm khác biệt này không làm thay đổi bản chất của giao dịch và xuất xứ của hàng hóa, và để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, công ty Singapore không có lựa chọn nào khác ngoài việc trả những khoản tiền vận chuyển và bảo hiểm không cần thiết.

*Kiến nghị:*

Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ đã nhận thấy được bất cập trong việc áp dụng mức thuế suất nhập khẩu này và đã ban hành công văn hướng dẫn không áp dụng mức thuế suất ưu đãi trong một số trường hợp (ví dụ Công văn số 2497/BCT-XNK của Bộ Công thương ngày 23 tháng 3 năm 2011, Công văn số 1744/BCT-XNK củaTổng cục Hải quan ngày 22 tháng 4 năm 2011). Tuy nhiên, các văn bản này chỉ mang tính chất hướng dẫn tạm thời, không phải là một văn bản mang tính pháp lý có thể áp dụng rộng rãi.

Do vậy, chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét sửa đổi các quy định có liên quan, để có thể áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với các giao dịch xuất nhập khẩu tại chỗ của các doanh nghiệp trong nước nằm trong và không nằm trong khu phi thuế quan.

Trên đây là những bất cập về việc thực thi chính sách thuế mà chúng tôi nhận thấy trong thời gian gần đây. Chúng tôi hy vọng rằng sắp tới, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của các Bộ, ngành, các khó khăn, vướng mắc trên của doanh nghiệp sẽ được tháo gỡ, các nguồn lực sẽ được bảo tồn, và các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tự tin trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh của họ tại Việt Nam.